

Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa năm 2025

1. Tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu tính toán và công bố của Cục Thống kê, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (GRDP) ước tính năm 2025 tăng 8,27% so với năm 2024; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,14%; ngành công nghiệp, xây dựng tăng 10,63% (riêng công nghiệp tăng 11,09%); các ngành dịch vụ tăng 8,79%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,73%.

Về cơ cấu kinh tế năm 2025, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,25%, giảm 0,63%; ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 47,94%, giảm 0,20%; các ngành dịch vụ chiếm 32,93%, tăng 1,22%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,87%, giảm 0,40% so với năm 2024.

GRDP bình quân đầu người năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt 88,45 triệu đồng, tương đương với 3.435 đô la Mỹ.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

2.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt

a1) Cây hàng năm

Năm 2025, sản xuất vụ đông và vụ chiêm xuân diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, vụ thu mùa chịu ảnh hưởng của diễn biến thời tiết phức tạp, đầu vụ có nhiều đợt nắng nóng gay gắt, gây khó khăn trong việc gieo trồng; cuối vụ chịu ảnh hưởng nặng nề của bão số 5 (bão Kajiki), bão số 10 (bão Bualoi) và các đợt mưa lũ. Bên cạnh những khó khăn nêu trên, các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục quan tâm chỉ đạo; ban hành kịp thời, thiết thực và có hiệu quả nhiều chính sách hỗ trợ sản xuất đối với các hộ nông dân, doanh nghiệp và hợp tác xã; giá vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cơ bản ổn định. Cùng với đó là sự nỗ lực cố gắng của bà con nông dân, cộng đồng doanh nghiệp, cùng với sự chỉ đạo linh hoạt, đồng bộ của các cấp, các ngành và các địa phương; nên sản xuất cây hàng năm cơ bản hoàn thành kế hoạch.

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm toàn tỉnh năm 2025 đạt 388,8 nghìn ha, đạt 101,0% kế hoạch, bằng 99,1% so với cùng kỳ¹. Năng suất một số cây trồng chính cả năm 2025 như sau: Lúa 57,3 tạ/ha, đạt 95,4% kế hoạch, giảm 6,6% so với cùng kỳ (giảm 4,1 tạ/ha); trong đó, vụ chiêm xuân 67,1 tạ/ha, giảm 0,6% so với cùng kỳ, vụ thu mùa 47,2 tạ/ha, giảm 14,4% so với cùng kỳ; ngô 46,6 tạ/ha, đạt 97,1% kế hoạch, giảm 2,5%; lạc 22,5 tạ/ha, đạt 107,0%, giảm 2,1%; đậu tương

¹ Vụ đông 45,9 nghìn ha, bằng 104,4% KH và bằng 97,5% so CK; vụ chiêm xuân 189,8 nghìn ha, đạt 99,9% KH và bằng 99,5% so CK; vụ mùa 153,1 nghìn ha, đạt 101,4% KH và bằng 99,0% so CK.

15,3 tạ/ha, giảm 2,2%; mía 625,0 tạ/ha, đạt 89,3% kế hoạch, giảm 4,5% so với cùng kỳ; sắn 169,7 tạ/ha, đạt 99,8% kế hoạch, tăng 3,4% so với cùng kỳ... Tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm 2025 đạt 1.456 nghìn tấn, đạt 94,7% kế hoạch và giảm 7,2% so với năm 2024.

Đến ngày 15/12/2025, toàn tỉnh đã gieo trồng được 35,3 nghìn ha các loại cây trồng vụ đông năm 2025 - 2026, đạt 73,3% kế hoạch, giảm 20,7% so với cùng thời điểm năm trước².

a2) Cây lâu năm

Sản xuất cây lâu năm ổn định, duy trì và phát triển vùng cây trồng thâm canh, sản xuất tập trung các nhóm cây ăn quả áp dụng tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ³. Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính ước tính năm 2025 như sau: Chè 285 ha, giảm 2,1% so cùng kỳ (diện tích thu hoạch 257 ha, giảm 0,3% so cùng kỳ), năng suất 70,0 tạ/ha, tăng 1,4% so cùng kỳ, sản lượng 1.801 tấn, tăng 1,1% so cùng kỳ; cao su 5.096 ha, giảm 11,6% so cùng kỳ (diện tích thu hoạch 4.753 ha, giảm 9,1% so cùng kỳ), năng suất 5,0 tạ/ha, tăng 0,2% so cùng kỳ, sản lượng 2.353 tấn, giảm 9,0% so cùng kỳ; cam 1.138 ha, tăng 4,3% so cùng kỳ (diện tích thu hoạch 1.085 ha, tăng 0,5% so cùng kỳ), năng suất 126,2 tạ/ha, tăng 0,3% so cùng kỳ, sản lượng 13.701 tấn, tăng 0,9% so cùng kỳ; xoài 865 ha, tăng 3,3% so cùng kỳ (diện tích thu hoạch 837 ha, tăng 2,4% so cùng kỳ), năng suất 27,8 tạ/ha, giảm 6,0% so cùng kỳ, sản lượng 2.328 tấn, giảm 3,8% so cùng kỳ năm trước.

b) Chăn nuôi

Chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định, có chuyển biến rõ nét về hình thức tổ chức sản xuất, từ chăn nuôi nông hộ sang chăn nuôi tập trung, quy mô lớn⁴; công tác phòng, chống dịch bệnh được chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, kiểm soát tốt, không để xảy ra dịch bệnh xảy ra trên diện rộng. Tuy nhiên, Từ ngày 30/6/2025 đến 16 giờ ngày 17/12/2025, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đã xảy ra tại 9.960 hộ, 1.695 thôn của 132 xã, phường, buộc phải tiêu huỷ 100.035 con lợn, trọng lượng 6.694 tấn. Dịch đã qua 21 ngày không phát sinh tại 86 xã, tính đến 16 giờ ngày 17/12/2025, toàn tỉnh còn 46 xã, phường có dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi chưa qua 21 ngày.

Ước tính tại thời điểm 01/01/2026, số lượng đàn gia súc gia cầm toàn tỉnh như sau: Đàn trâu 99,8 nghìn con; đàn bò 183,5 nghìn con; đàn lợn 1.229,0 nghìn

² Trong đó: Cây ngô 9.360 ha, giảm 28,1%; cây lạc 1.092 ha, giảm 13,9%; cây khoai lang 1.199 ha, giảm 31,1%; khoai tây 480 ha, giảm 30,4%; đậu tương 157 ha, giảm 12,3%; cây ớt 952 ha, giảm 24,7%; rau màu và các cây trồng khác 22.048 ha, giảm 16,3%.

³ Duy trì mã số vùng trồng xuất khẩu với cây bưởi 01 mã số; cây vải 02 mã số; cây thanh long 02 mã số; cây chuối 01 mã số và cây mít 01 mã số).

⁴ Toàn tỉnh có 1.092 trang trại chăn nuôi, gồm: 589 trang trại lợn, 420 trang trại gia cầm, 83 trang trại trâu, bò.

con; gia cầm 29,56 triệu con. So với thời điểm 01/01/2025, đàn trâu giảm 11,5%; đàn bò giảm 9,6%; đàn lợn giảm 1,7%; đàn gia cầm tăng 6,3%. Ước tính năm 2025, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 332,3 nghìn tấn, tăng 4,6% so với năm 2024⁵; sản lượng trứng gia cầm đạt 336,7 triệu quả, tăng 9,8% so với năm 2024; sản lượng sữa bò tươi đạt 66,5 nghìn tấn, tăng 3,4 so với năm 2024.

2.2. Lâm nghiệp

Lâm nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng bền vững⁶. Ước tính năm 2025, diện tích trồng rừng mới tập trung 13,17 nghìn ha, tăng 2,0% so với cùng kỳ; trồng cây phân tán 5,64 triệu cây, tăng 2,5% so cùng kỳ; diện tích rừng trồng được chăm sóc 40 nghìn ha, bằng cùng kỳ... Khai thác lâm sản: Gỗ 1.083,9 nghìn m³, tăng 9,4% so với cùng kỳ; củi khai thác 1.211,5 nghìn ster, tăng 2,7%; tre luồng 67,0 triệu cây, tăng 1,8%; nguyên liệu sản xuất giấy 85,0 nghìn tấn, tăng 0,6% so với cùng kỳ.

Công tác bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng thường xuyên được quan tâm chỉ đạo, các ngành chức năng luôn phối hợp với các địa phương và ban quản lý dự án tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng. Năm 2025 trên địa bàn tỉnh không xảy ra cháy rừng, an ninh rừng được giữ vững.

2.3. Thủy sản

Sản xuất thủy sản trong năm 2025 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, không xảy ra dịch bệnh trên các con nuôi. Tuy nhiên, việc kiểm soát và xử lý tàu cá vi phạm các quy định về chống khai thác IUU đã ảnh hưởng đến sản lượng thủy sản khai thác biển. Sản lượng thủy sản năm 2025 ước đạt 222,6 nghìn tấn, tăng 1,9% so với cùng kỳ; trong đó, sản lượng nuôi trồng 78,5 nghìn tấn, tăng 3,7%; sản lượng khai thác 144,1 nghìn tấn, tăng 1,0%.

3. Sản xuất công nghiệp

Năm 2025, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định và tiếp tục phát triển, đã khởi công một số nhà máy, dự án công nghiệp lớn⁷ và khánh thành, đưa vào hoạt động một số nhà máy công nghiệp, tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh⁸.

⁵ Trong đó: Thịt trâu hơi 15,8 nghìn tấn, tăng 2,8%; thịt bò hơi 23,7 nghìn tấn, tăng 3,2%; thịt lợn hơi 178,8 nghìn tấn, tăng 2,5%; thịt gia cầm giết bán 97,4 nghìn tấn, tăng 10,1% so với cùng kỳ.

⁶ Trên địa bàn tỉnh đã hình thành 10 chuỗi liên kết giữa chủ rừng (hộ gia đình, nhóm hộ) với các nhà máy chế biến gắn với cấp chứng chỉ rừng FSC đạt 32.282 ha, với sự tham gia liên kết của 5.442 hộ, nhóm hộ; phát triển ổn định vùng sản xuất gỗ lớn có quy mô hàng hóa tập trung 56.000 ha, luồng thâm canh 46.000 ha.

⁷ Như: Dự án số 1 - Tổ hợp hóa chất Đức Giang; Nhà máy sản xuất vải Billion Union Việt Nam; Cụm công nghiệp Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn; Nhà máy sản xuất dụng cụ thể thao Outdoor Gear Việt Nam...

⁸ Như: Nhà máy luyện cán thép Nghi Sơn số 2, Nhà máy dệt may Nam Ích Thái Thắng, Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu Vạn Hà, Nhà máy cơ khí công nghệ cao Đại Dũng, Nhà máy sản xuất lốp ô tô Radial tại Khu B - Khu công nghiệp Bim Sơn; Nhà máy giày Thường Xuân, Nhà máy may SD tại xã Dân Lực; Nhà máy may Sakurai Việt Nam 2...

Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành ước tính tháng 12/2025 tăng 2,12% so với tháng trước, tăng 16,15% so với tháng cùng kỳ⁹. Tính chung cả năm 2025, chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành tăng 15,75% so với năm 2024¹⁰.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp chia theo 4 quý trong năm 2025: Quý I tăng 14,79%; quý II tăng 14,62%; quý III tăng 15,89%; quý IV tăng 17,45% so với cùng kỳ năm 2024¹¹.

Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh, năm 2025 so với năm 2024 như sau: Dầu thực vật 201,2 nghìn tấn, tăng 1,7%; đường tinh luyện 87,2 nghìn tấn, tăng 5,3%; tinh bột sắn 36,1 nghìn tấn, tăng 16,1%; bia các loại 26,6 triệu lít, giảm 17,2%; thuốc lá bao 340,2 triệu bao, tăng 4,2%; quần áo các loại 931,4 triệu cái, tăng 22,0%; giày, dép thể thao xuất khẩu 399,6 triệu đôi, tăng 21,9%; xăng động cơ 3.864,4 nghìn tấn, tăng 5,6%; dầu nhiên liệu 6.378,9 nghìn tấn, tăng 4,7%; lưu huỳnh dạng hạt 407,5 nghìn tấn, tăng 11,1%; benzen 351,1 nghìn tấn, tăng 6,3%; gạch xây dựng bằng đất nung 897,1 triệu viên, tăng 4,0%; xi măng Portland đen 22,75 triệu tấn, tăng 17,7%; sắt, thép các loại 5.482 nghìn tấn, tăng 27,3%; điện sản xuất 12.972 triệu kwh, giảm 8,5%; nước máy 57,0 triệu m³, tăng 0,1%...

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2025 dự kiến tăng 3,84% so với tháng trước, tăng 19,05% so với tháng cùng kỳ. Tính chung cả năm 2025, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 26,48% so với năm 2024.

Chỉ số tồn kho tháng 12/2025 của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dự kiến tăng 1,78% so với tháng trước; giảm 25,78% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng 12/2025 tăng 0,84% so với tháng trước, tăng 0,21% so với tháng cùng kỳ. Tính chung cả năm 2025, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tăng 7,17% so với năm 2024¹².

⁹ Trong đó, công nghiệp khai khoáng tăng 2,45% so với tháng trước, tăng 16,09% so với tháng cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,46% so với tháng trước, tăng 16,92% so với tháng cùng kỳ; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí giảm 3,55% so với tháng trước, tăng 5,25% so với tháng cùng kỳ; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,13% so với tháng trước, tăng 1,26% so với tháng cùng kỳ.

¹⁰ Trong đó, công nghiệp khai khoáng tăng 10,54%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 17,35%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng giảm 4,18%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,13% so cùng kỳ.

¹¹ Công nghiệp khai khoáng: Quý I tăng 4,71%; quý II tăng 7,98%; quý III tăng 12,49%; quý IV tăng 16,17% so với cùng kỳ năm 2024. Công nghiệp chế biến, chế tạo: Quý I tăng 17,10%; quý II tăng 16,49%; quý III tăng 17,26%; quý IV tăng 18,41% so với cùng kỳ năm 2024. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí: Quý I giảm 10,99%; quý II giảm 6,01%; quý III giảm 2,43%; quý IV tăng 3,55% so với cùng kỳ năm 2024. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải: Quý I tăng 9,63%; quý II tăng 6,25%; quý III tăng 3,98%; quý IV tăng 5,23% so với cùng kỳ năm 2024.

¹² Trong đó: Doanh nghiệp nhà nước giảm 0,72%; doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 9,76%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 7,00%.

4. Hoạt động của doanh nghiệp

Phát triển doanh nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh và đạt kết quả tích cực. Theo báo cáo của Sở Tài chính, số lượng doanh nghiệp thành lập mới năm 2025 ước đạt 3.510 doanh nghiệp, vượt 17% kế hoạch và tăng 10,8% so với cùng kỳ; vốn điều lệ đăng ký 29.823 tỷ đồng, tăng 32,6% so với cùng kỳ; có 815 doanh nghiệp tái gia nhập thị trường, tăng 4,5% so với cùng kỳ.

5. Đầu tư và xây dựng

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn cân đối ngân sách tỉnh, vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và trái phiếu Chính phủ do tỉnh quản lý đã được Chủ tịch UBND tỉnh giao chi tiết cho các chủ đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư giải ngân và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án. UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 17/01/2025. Giá trị giải ngân vốn đầu tư công (bao gồm cả vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025) toàn tỉnh đến ngày 12/11/2025 đạt 16.025 tỷ đồng, bằng 64% kế hoạch.

Năm 2025, tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện trên địa bàn tỉnh ước đạt 148.553 tỷ đồng, bằng 106,1% kế hoạch, tăng 7,5% so với cùng kỳ¹³. Đến ngày 15/11/2025, toàn tỉnh thu hút 119 dự án đầu tư trực tiếp (trong đó có 13 dự án FDI), tổng vốn đầu tư đăng ký 18.110 tỷ đồng và 437,5 triệu USD tăng 29% so với cùng kỳ; điều chỉnh tăng vốn cho 9 dự án FDI, với số vốn tăng 160,7 triệu USD, thông báo đủ điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp cho 11 nhà đầu tư nước ngoài, với tổng vốn góp là 57,4 triệu USD.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước địa phương năm 2025 ước đạt 20.419 tỷ đồng, đạt 81,6% kế hoạch năm và tăng 58,7% so với năm 2024¹⁴; bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 13.309,3 tỷ đồng, tăng 96,3% so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp xã 7.109,9 tỷ đồng, tăng 16,8% so với năm 2024.

6. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Thu ngân sách nhà nước tăng trưởng tích cực, vượt tiến độ trung ương giao và đứng đầu các tỉnh Bắc Trung bộ. Theo báo cáo của Sở Tài chính, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 ước đạt 54.952 tỷ đồng, bằng 120,8% dự toán năm 2025, bằng 96,8% so với năm 2024; trong đó thu nội địa ước đạt 35.152 tỷ đồng, bằng 127,9% dự toán, bằng 97,9% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất,

¹³ Trong đó: Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước 25.490 tỷ đồng, tăng 43,0%; vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch nhà nước 3.446 tỷ đồng, giảm 0,2%; vốn vay từ các nguồn khác của khu vực nhà nước 5.086 tỷ đồng, tăng 1,8%; vốn đầu tư của dân cư và tư nhân 97.729 tỷ đồng, tăng 3,0%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 11.671 tỷ đồng, giảm 1,7% so với năm 2024...

¹⁴ Trong đó: Quý I đạt 2.302 tỷ đồng, tăng 21,9%, quý II đạt 3.446 tỷ đồng, tăng 10,7%; quý III đạt 4.666 tỷ đồng, tăng 13,9%, quý IV ước đạt 10.005 tỷ đồng, gấp 2.66 lần so với cùng kỳ năm 2024.

nhập khẩu ước đạt 19.800 tỷ đồng, bằng 110,0% dự toán, bằng 94,8% so với cùng kỳ. Một số lĩnh vực thu tăng mạnh so với cùng kỳ như: Thuế thu nhập cá nhân tăng 42,1%; thu từ doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 18,0%; lệ phí trước bạ tăng 22,1%; thu phí, lệ phí tăng 23,1%...

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương năm 2025 ước đạt 61.897 tỷ đồng, bằng 115,2% dự toán và bằng 119,6% cùng kỳ; trong đó chi đầu tư phát triển 15.856 tỷ đồng, bằng 102,7% dự toán và bằng 107,6% cùng kỳ; chi thường xuyên 42.666 tỷ đồng, bằng 118,9% dự toán và bằng 126,7% cùng kỳ. Chi ngân sách địa phương năm 2025 cơ bản đáp ứng nguồn lực thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh, tiền lương và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh.

7. Hoạt động ngân hàng

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 7, Huy động vốn của các tổ chức tín dụng (không bao gồm Ngân hàng phát triển) đến cuối năm 2025 ước đạt 219.969 tỷ đồng, tăng 18%; dư nợ tín dụng 249.916 tỷ đồng, tăng 12,5% so với đầu năm; các tổ chức tín dụng tiếp tục nâng cao chất lượng tín dụng, ổn định lãi suất tiền gửi, giảm lãi suất cho vay, tập trung cho vay các lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế¹⁵.

8. Thương mại, giá cả, vận tải, du lịch

Trong năm 2025, thương mại nội địa hoạt động sôi động, nguồn cung hàng hóa dồi dào; không có hiện tượng găm hàng, sốt giá. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh, phòng chống hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được tăng cường. Hoạt động vận tải đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân và vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh. Hoạt động du lịch khởi sắc ngay từ đầu năm; tổ chức thành công các hoạt động kích cầu du lịch, liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các địa phương trong và ngoài nước, tích cực quảng bá thương hiệu du lịch Thanh Hóa¹⁶.

8.1. Doanh thu bán lẻ hàng hóa

Tháng 12/2025, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 15.980 tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước, tăng 17,8% so với tháng cùng kỳ. Tính chung cả năm 2025, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 171.758 tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm 2024¹⁷.

¹⁵ Tổng dư nợ tín dụng đối với các lĩnh vực ưu tiên đạt 138.301 tỷ đồng, trong đó: lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đạt 92.944 tỉ đồng, chiếm 67,2%; doanh nghiệp nhỏ và vừa 37.838 tỉ đồng, chiếm 27,36%; công nghiệp hỗ trợ 4.601 tỉ đồng, chiếm 3,33%; xuất khẩu 2.780 tỉ đồng, chiếm 2,01%; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao 138 tỉ đồng, chiếm 0,1%.

¹⁶ Như: Liên hoan văn hóa ẩm thực xứ Thanh 2025; Hội nghị xúc tiến du lịch Thanh Hoá năm 2025; Hội nghị xúc tiến quảng bá du lịch Ninh Bình - Thanh Hoá - Nghệ An - Hà Tĩnh; đón các đoàn Famtrip Đài Loan (Trung Quốc), Thái Lan; tổ chức Hội thảo “Giải pháp thu hút khách du lịch quốc tế đến Thanh Hoá”; Triển khai liên kết phát triển du lịch với thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Sơn La và các tỉnh Bắc Trung Bộ mở rộng năm 2025.

¹⁷ Trong đó nhóm hàng lương thực, thực phẩm 80.782 tỷ đồng, tăng 16,4%; hàng may mặc 8.731 tỷ đồng, tăng 7,5%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình 15.993 tỷ đồng, tăng 12,0%; vật phẩm văn hoá, giáo dục 1.478 tỷ

Doanh thu bán lẻ hàng hóa cả năm 2025 chia theo các quý và so với cùng kỳ năm 2024: Quý I đạt 40.050 tỷ đồng, tăng 12,6%; quý II đạt 41.414,4 tỷ đồng, tăng 13,3%; quý III đạt 43.529,1 tỷ đồng, tăng 14,1%; ước tính quý IV đạt 46.764,6 tỷ đồng, tăng 17,3%.

8.2. Hoạt động lưu trú và ăn uống

Tháng 12/2025, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 2.708,6 tỷ đồng, tăng 2,6% so với tháng trước, tăng 24,3% so với tháng cùng kỳ, trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú 430,1 tỷ đồng, tăng 2,2% so với tháng trước và tăng 22,3% so với tháng cùng kỳ; doanh thu ăn uống 2.278 tỷ đồng, tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 24,7% so với tháng cùng kỳ; doanh thu du lịch lữ hành đạt 26,7 tỷ đồng, tăng 1,7% so với tháng trước, tăng 19,7% so với tháng cùng kỳ; doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác đạt 2.622,3 tỷ đồng, tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 25,6% so với tháng cùng kỳ.

Tính chung cả năm 2025, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 27.431,4 tỷ đồng, tăng 23,0% so với năm 2024¹⁸; trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 5.716,1 tỷ đồng, tăng 22,8%¹⁹; doanh thu ăn uống đạt 21.715,3 tỷ đồng, tăng 23,1%²⁰; doanh thu du lịch lữ hành đạt 338,5 tỷ đồng, tăng 20,0%²¹; doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác đạt 27.842,9 tỷ đồng, tăng 19,6%²².

8.3. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2025 tăng 0,03% so với tháng trước, tăng 3,59% so với tháng 12/2024. Bình quân 12 tháng năm 2025, CPI tăng 3,40% so với cùng kỳ năm trước²³ (bình quân quý I tăng 3,17%; bình quân quý II tăng 3,65%; bình quân quý III tăng 3,36%; bình quân quý IV tăng 3,45%).

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2024 tăng 0,03% so với tháng trước. Có 6/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, gồm: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,36% (lương thực tăng 0,41%, thực phẩm tăng 0,48%, ăn uống ngoài gia đình giảm 0,15%); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,49%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,13%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,53%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,13%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,36%. 5/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm, gồm: Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,24%; nhóm giao thông giảm 1,00%; nhóm bưu chính viễn thông

đồng, tăng 4,7%; ô tô các loại 5.360 tỷ đồng, tăng 6,4%; phương tiện đi lại (trừ ô tô và kể cả phụ tùng) 6.761 tỷ đồng, tăng 3,5%; xăng, dầu 20.946 tỷ đồng, tăng 8,2% so với năm 2024...

¹⁸ Quý I tăng 14,5%, quý II tăng 21,3%, quý III tăng 24,8%, quý IV tăng 20,0% so cùng kỳ.

¹⁹ Quý I tăng 16,2%, quý II tăng 27,2%, quý III tăng 25,0%, quý IV tăng 29,7% so cùng kỳ.

²⁰ Quý I tăng 14,0%, quý II tăng 19,6%, quý III tăng 22,7%, quý IV tăng 16,4% so cùng kỳ.

²¹ Quý I tăng 20,0%, quý II tăng 20,3%, quý III tăng 22,7%, quý IV tăng 16,4% so cùng kỳ.

²² Quý I tăng 11,9%, quý II tăng 18,0%, quý III tăng 22,3%; quý IV tăng 25,3% so cùng kỳ..

²³ Tốc độ tăng CPI bình quân năm so với cùng kỳ của các năm từ 2016 - 2024 lần lượt là: 2,19%; 2,84%; 3,90%; 2,60%; 4,56%; 1,53%; 3,60%; 3,55%; 2,80%; 3,40%.

giảm 0,49%; nhóm giáo dục giảm 0,25%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,05%.

Chỉ số giá vàng tháng 12/2025 tăng 1,66% so với tháng trước, tăng 64,73% so với tháng 12/2024; bình quân 12 tháng năm 2025 tăng 46,78% so với bình quân cùng kỳ năm 2024 (bình quân quý I tăng 37,09%; bình quân quý II tăng 43,56%; bình quân quý III tăng 45,24%; bình quân quý IV tăng 61,75%). Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2025 tăng 0,13% so với tháng trước, tăng 3,70% so với tháng 12/2024; bình quân 12 tháng năm 2025 tăng 3,44% so với bình quân cùng kỳ năm 2024 (bình quân quý I tăng 3,60%; bình quân quý II tăng 2,65%; bình quân quý III tăng 4,62%; bình quân quý IV tăng 4,36%).

8.4. Vận tải hành khách và hàng hóa

Năm 2025, hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải tiếp tục phát triển, đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân và phục vụ sản xuất kinh doanh. Chất lượng dịch vụ vận tải được nâng cao.

Tháng 12/2025, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 2.172 tỷ đồng, tăng 2,3% so với tháng trước, tăng 22,9% so với tháng cùng kỳ; trong đó, doanh thu vận tải hành khách 397,4 tỷ đồng, tăng 1,7% so với tháng trước, tăng 12,3% so với tháng cùng kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa 1.075 tỷ đồng, tăng 2,8% so với tháng trước, tăng 18,7% so với tháng cùng kỳ. Hành khách vận chuyển đạt 2.543 nghìn người, tăng 1,6% so với tháng trước, tăng 12,1% so với tháng cùng kỳ; hành khách luân chuyển đạt 271.740 nghìn người.km, tăng 1,7% so với tháng trước, tăng 10,1% so với tháng cùng kỳ; hàng hóa vận chuyển đạt 6.156 nghìn tấn, tăng 2,8% so với tháng trước, tăng 26,0% so với tháng cùng kỳ; hàng hóa luân chuyển 352.636 nghìn tấn.km, tăng 2,6% so với tháng trước, tăng 19,5% so với tháng cùng kỳ.

Năm 2025, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 24.553 tỷ đồng, tăng 19,9% so với cùng kỳ²⁴; trong đó, doanh thu vận tải hành khách 4.483 tỷ đồng, tăng 12,9%²⁵; doanh thu vận tải hàng hóa 12.357 tỷ đồng, tăng 16,8%²⁶. Vận chuyển hành khách 28,76 triệu người, luân chuyển hành khách 3.077,1 triệu người.km, tăng 11,1% về hành khách vận chuyển²⁷, tăng 10,6% về hành khách luân chuyển so với cùng kỳ²⁸; vận chuyển hàng hoá đạt 68,45 triệu tấn, luân chuyển hàng hoá đạt 4.018,1 triệu tấn.km, tăng 18,8% về hàng hóa vận chuyển²⁹, tăng 16,0% về hàng hóa luân chuyển so với cùng kỳ³⁰.

²⁴ Quý I tăng 17,5%, quý II tăng 20,4%, quý III tăng 21,8%, quý IV tăng 18,8% so cùng kỳ.

²⁵ Quý I tăng 12,0%, quý II tăng 14,6%, quý III tăng 14,3%, quý IV tăng 9,2% so cùng kỳ.

²⁶ Quý I tăng 18,0%, quý II tăng 16,2%, quý III tăng 17,8%, quý IV tăng 13,9% so cùng kỳ.

²⁷ Quý I tăng 9,7%, quý II tăng 12,3%, quý III tăng 12,5%, quý IV tăng 9,3% so cùng kỳ.

²⁸ Quý I tăng 9,4%, quý II tăng 12,5%, quý III tăng 11,6%, quý IV tăng 7,3% so cùng kỳ.

²⁹ Quý I tăng 14,7%, quý II tăng 17,2%, quý III tăng 11,6%, quý IV tăng 7,3% so cùng kỳ.

³⁰ Quý I tăng 15,1%, quý II tăng 15,4%, quý III tăng 17,3%, quý IV tăng 15,5% so cùng kỳ.

Năm 2025, xếp dỡ hàng hóa qua Cảng Nghi Sơn ước đạt 50,4 triệu tấn, tăng 0,4% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 7.610 tỷ đồng, tăng 30,1% so với cùng kỳ; doanh thu chuyên phát nhanh (chưa bao gồm doanh thu của các tập đoàn, tổng công ty hạch toán toàn ngành do Cục Thống kê phân bổ) ước đạt 103 tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ. Các hãng hàng không khai thác trở lại 03 đường bay³¹, tổ chức 7.027 lượt cất hạ cánh, vận chuyển hơn 1,16 triệu lượt hành khách, tăng 32% so với cùng kỳ.

9. Một số vấn đề xã hội

9.1. Đời sống dân cư và an sinh xã hội

Năm 2025, đời sống Nhân dân trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, công tác an sinh xã hội được đảm bảo; tỉnh triển khai thực hiện công tác chi trả trợ cấp đầy đủ kịp thời các chế độ chính sách người có công và thân nhân người có công với cách mạng hàng tháng cho các đối tượng là người có công với cách mạng và thân nhân. Tiếp tục chú trọng xử lý và giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng và thân nhân theo đúng quy định. Công tác bảo trợ xã hội được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Công tác bảo đảm an sinh xã hội trong dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025, dịp kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước (30/4) được thực hiện hiệu quả, vui tươi, đầm ấm, thiết thực³². Dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 đã tổ chức tặng quà cho Nhân dân với tổng kinh phí 430,5 tỷ đồng, các chế độ an sinh, bảo trợ xã hội, chính sách đối với người có công và thân nhân liệt sĩ được thực hiện đầy đủ, kịp thời³³; hoàn thành xây dựng, sửa chữa nhà ở cho 14.780 hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở, đạt 100% kế hoạch; tổng kinh phí huy động đạt 1.619 tỉ đồng³⁴.

Tỷ lệ hộ nghèo năm 2025 của tỉnh (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025) ước còn khoảng 0,52%, giảm 1,5% so với năm 2024.

9.2. Dân số, lao động, việc làm

Năm 2025, dân số trung bình tỉnh Thanh Hóa ước đạt 3.771,8 nghìn người, tăng 7,53 nghìn người so với năm 2024, tốc độ tăng dân số 0,2%; lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên 1.980,2 nghìn người, giảm 0,3% (tương ứng với giảm 5,67

³¹ Thanh Hóa - Buôn Mê Thuật, Thanh Hóa - Đà Lạt, Thanh Hóa - Cần Thơ.

³² cấp ủy, chính quyền, MTTQ, tổ chức đoàn thể các cấp và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hảo tâm đã trao tặng 1.338.106 suất quà với tổng trị giá trên 491 tỷ đồng cho các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn và công nhân lao động; so với cùng kỳ năm trước, số suất quà đã tăng 364.519 suất với tổng giá trị quà tặng tăng thêm 11 tỷ đồng. Trong đó: ngân sách trung ương là trên 73,9 tỷ đồng; ngân sách cấp tỉnh là trên 64,5 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện là trên 29,7 tỷ đồng; ngân sách cấp xã là trên 6,4 tỷ đồng và kinh phí vận động xã hội hóa là trên 316,6 tỷ đồng

³³ Chi trả trợ cấp hằng tháng cho trên 64.000 đối tượng người có công với cách mạng và thân nhân, tổng kinh phí trên 1.827 tỉ đồng; ban hành 9.577 quyết định về chế độ, chính sách cho người có công và thân nhân; cất bốc 21 hài cốt quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh tại nước CHDCND Lào về an táng tại Nghĩa trang Liệt sĩ quốc tế Đồng Tâm; thu nhận 36.845 mẫu ADN của các thân nhân liệt sĩ chưa xác định được thông tin trên địa bàn tỉnh.

³⁴ Trong đó: Ngân sách Nhà nước 388 tỉ đồng; kinh phí vận động xã hội hóa 1.231 tỷ đồng.

nghìn người) so với năm 2024; lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc 1.952,5 nghìn người, giảm 0,3% (tương ứng với giảm 5,60 nghìn người) so với năm 2024. Theo báo cáo của Sở Nội vụ, dự kiến năm 2025, toàn tỉnh tạo việc làm cho 61.000 lao động, bằng 105,2% kế hoạch và 98% cùng kỳ, trong đó có 11.000 lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài, bằng 183,3% kế hoạch; giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho 15.923 lao động; cấp giấy phép cho 2.106 lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh.

9.3. Y tế

Năm 2025, ngành Y tế tập trung làm tốt công tác phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh sau mưa lũ, không để xuất hiện các chùm ca bệnh, ổ dịch lớn³⁵; phát triển y tế chuyên sâu để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh³⁶ và triển khai bệnh án điện tử, khám chữa bệnh bằng ứng dụng VNeID thay thế thẻ BHYT; siết chặt quản lý hành nghề y, dược tư nhân, an toàn vệ sinh thực phẩm³⁷; tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 95%, có 13,1 bác sỹ trên 1 vạn dân, vượt kế hoạch đề ra.

9.4. Giáo dục - Đào tạo

Năm 2025, chất lượng giáo dục đại trà có chuyển biến tích cực, giáo dục mũi nhọn tiếp tục giữ vững thành tích trong nhóm dẫn đầu cả nước; tỉnh có 989 điểm 10 tại kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, đứng thứ 6 cả nước, điểm thi trung bình xếp thứ 8, tăng 10 bậc so với năm 2024; có 77/90 học sinh dự thi đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia THPT, đạt tỉ lệ 85,6%, xếp thứ 5 cả nước³⁸; tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 86,9%, đạt kế hoạch³⁹; thực hiện đầu tư xây dựng 06 trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới theo Thông báo số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị.

9.5. Văn hoá - Thể dục thể thao

Hoạt động thông tin và truyền thông tập trung tuyên truyền các ngày lễ kỷ niệm lớn của dân tộc, các chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng, kết quả phát triển kinh tế - xã hội, sự quyết liệt, quyết tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều

³⁵ Từ 01/01/2025- 02/11/2025, toàn tỉnh xuất hiện 232 ca Sốt xuất huyết (năm 2024 là 228 ca); 1.604 ca Sốt phát ban nghi sởi (năm 2024 là 451 ca); 306 ca tay chân miệng (năm 2024 là 180 ca); 452 ca Covid-19 (năm 2024 là 121 ca). Các dịch bệnh truyền nhiễm khác hiện đang được kiểm soát tốt. Công tác tiêm chủng mở rộng, đặc biệt là tiêm vắc xin phòng Sởi đạt tỷ lệ bao phủ cao (từ đủ 06 - 09 tháng tuổi đạt > 96 %; từ 01 - 10 tuổi đạt 96,7%; từ 11 - 15 tuổi là 97,4%).

³⁶ Có 439 kỹ thuật mới được triển khai; công bố 13 phòng xét nghiệm đạt an toàn sinh học; 130 cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng; thu hồi khỏi giấy phép 13 cơ sở không đủ điều kiện tiêm chủng.

³⁷ Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh 997 Giấy phép hành nghề, 194 Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; 598 Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược; 9930 Giấy chứng nhận GPP; 26 Giấy chứng nhận GDP; 374 Chứng chỉ hành nghề dược. Thực hiện kiểm tra 817/1032 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (796 cơ sở đạt yêu cầu, 21 cơ sở vi phạm và xử lý vi phạm hành chính với số tiền là 185 triệu đồng); thẩm định và chứng nhận cho 213 cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm.

³⁸ Gồm: 04 giải Nhất, 19 giải Nhì, 32 giải Ba, 22 giải Khuyến khích.

³⁹ Trong đó: Mầm non 586/677 trường (đạt tỷ lệ 86,6%); Tiểu học 539/588 trường (đạt tỷ lệ 91,6%); trung học cơ sở 525/610 trường (đạt tỷ lệ 86%); trung học phổ thông 69/104 trường (đạt tỷ lệ 66,3%).

hành để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp, góp phần truyền cảm hứng tích cực, củng cố niềm tin trong Nhân dân.

Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở tiếp tục được quan tâm⁴⁰, tỷ lệ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa đạt 85,4%; số thôn, bản, tổ dân phố văn hóa đạt 84,7%; tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp 30 di tích. Nhiều chương trình, lễ hội, sự kiện lớn⁴¹ được tổ chức trang trọng, tiết kiệm, thiết thực, ý nghĩa. Thể thao quần chúng được duy trì⁴²; thể thao thành tích cao thi đấu 139 giải, đạt 1.048 huy chương các loại⁴³, Đội Bóng chuyền nữ Xi măng Long Sơn thi đấu 3 trận tại giai đoạn 2, chính thức trụ hạng trước 2 vòng đấu.

9.6. Tai nạn giao thông

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông tỉnh, năm 2025 (tính từ ngày 15/12/2024 đến ngày 14/12/2025) trên địa bàn tỉnh xảy ra 751 vụ tai nạn giao thông, làm chết 414 người, bị thương 560 người; so với năm 2024, giảm 17,0% về số vụ (giảm 154 vụ), tăng 2,0% về số người chết (tăng 8 người), giảm 24,1% về số người bị thương (giảm 178 người). Trong đó, quý I xảy ra 165 vụ, làm chết 98 người, bị thương 107 người; quý II xảy ra 228 vụ, làm chết 77 người, bị thương 189 người; quý III xảy ra 206 vụ, làm chết 159 người, bị thương 153 người; quý IV (thống kê đến ngày 14/12/2025) xảy ra 152 vụ, làm chết 80 người, bị thương 111 người.

9.7. Cháy, nổ

Theo báo cáo của Công an tỉnh, năm 2025 (tính từ ngày 15/12/2024 đến ngày 14/12/2025) trên địa bàn tỉnh xảy ra 92 vụ cháy, nổ; không có người chết và người bị thương; thiệt hại về tài sản trị giá 9.399,5 triệu đồng. Chia theo các quý trong

⁴⁰ Tổ chức và tham các Hội thi, hội diễn: Liên hoan Nghệ thuật quần chúng tỉnh Thanh Hóa chào mừng kỷ niệm 60 năm Hàm Rồng chiến thắng, 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025); Tiếng hát Làng Sen; Triển lãm “Hồ Chí Minh đẹp nhất tên Người” trong khuôn khổ Lễ hội Làng Sen năm 2025 tại Nghệ An; Hội thi tuyên truyền lưu động toàn quốc Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025) tại Tuyên Quang; phối hợp với Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức và tham gia Hội diễn Nghệ thuật quần chúng “Câu hò nổi những dòng sông” khu vực Bắc Trung bộ.

⁴¹ Chương trình nghệ thuật chính luận chào mừng 95 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2025); Lễ kỷ niệm 60 năm Hàm Rồng chiến thắng (ngày 03/04/1965 - ngày 03/04/2025) với chủ đề “Hàm Rồng - Vang mãi bản hùng ca”; chương trình nghệ thuật chào mừng kỷ niệm 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2025); Chương trình nghệ thuật và bắn pháo hoa nô tằm thấp chào mừng Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2025) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025) với chủ đề “Thanh Hóa - Tự hào cùng đất nước”; Lễ hội Bà Triệu, Lễ hội Lam Kinh năm 2025, kỷ niệm 607 năm khởi nghĩa Lam Sơn, 597 năm Vua Lê Thái Tổ đăng quang, 592 năm ngày mất của Anh hùng dân tộc Lê Lợi; chương trình biểu diễn nghệ thuật của Lào tại Thanh Hóa trong khuôn khổ Tuần Văn hóa Lào tại Việt Nam năm 2025,...

⁴² Số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên ước đạt 45%, tăng 0,9% so với cùng kỳ; Số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao ước đạt 31%, tăng 0,6% so với cùng kỳ; 100% trường học đảm bảo chương trình giáo dục thể chất; 100% cán bộ chiến sỹ lực lượng vũ trang đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

⁴³ Trong đó có 312 HCV, 294 HCB và 442 HCD; tổ chức thành công Giải Cờ vua - Cờ tướng các nhóm tuổi trẻ miền Trung lần thứ XXI năm 2025; Giải Vô địch Pencak Silat quốc gia 2025; Giải Vô địch Đấu kiếm quốc gia 2025; Giải Vô địch Cầu mây bãi biển quốc gia 2025; Giải Vô địch trẻ Võ cổ truyền quốc gia lần thứ 26, năm 2025; Giải Vô địch trẻ Vật cổ điển, Vật tự do quốc gia năm 2025; Giải Vô địch Các đội mạnh bắn cung quốc gia năm 2025.

năm: quý I xảy ra 35 vụ, thiệt hại 424 triệu đồng; quý II xảy ra 18 vụ, thiệt hại 1.571 triệu đồng; quý III xảy ra 18 vụ, thiệt hại 1.062 triệu đồng; quý IV (thống kê đến ngày 14/12/2025) xảy ra 21 vụ, giá trị thiệt hại 6.243,5 triệu đồng.

9.8. Thiệt hại do thiên tai

Theo báo cáo của Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh Thanh Hóa, từ đầu năm đến nay toàn tỉnh đã xảy ra 3244 đợt thiên tai, gây thiệt hại về người, tài sản, cơ sở hạ tầng và sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Giá trị thiệt hại khoảng 4.090 tỷ đồng. trong đó, Thanh Hóa chịu ảnh hưởng nặng nề do bão số 5 (bão Kajiki) và bão số 10 (bão Bualoi) gây ra, cụ thể như sau:

- Bão số 5 và mưa, lũ đã gây thiệt hại về người, tài sản, sản xuất và cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh, làm 01 người chết, 01 người mất tích, 89 nhà bị thiệt hại, 2.037 nhà bị ngập; 4.791 ha lúa, 941 ha hoa màu, 469 ha cây trồng hàng năm bị ngập, thiệt hại; xảy ra 07 sự cố đê điều, 625 m kênh mương bị sạt, hư hỏng; trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ đã sạt lở taluy dương tại 278 vị trí với khối lượng 27.920 m³, sạt lở taluy âm tại 16 vị trí với chiều dài 375 m; 267 cột điện bị gãy, đổ, nghiêng và một số thiệt hại khác. Sau trận mưa lớn do ảnh hưởng của bão số 5, ngày 26/8, xã Yên Nhân, tỉnh Thanh Hóa hứng chịu lũ quét và sạt lở núi nghiêm trọng, gây thiệt hại nặng về nhà cửa và hạ tầng, đồng thời khiến nhiều khu vực bị cô lập. Đến ngày 28/8, hai ngày sau thảm họa, người dân ở đây vẫn chưa hết bàng hoàng, vẫn đang bị cô lập với bên ngoài. Theo thống kê ban đầu, toàn xã Yên Nhân có 126 ngôi nhà bị ảnh hưởng, trong đó 22 ngôi nhà sập hoàn toàn. Hàng trăm hộ dân phải sơ tán khẩn cấp. Hệ thống điện bị hư hỏng, sóng viễn thông chập chờn, nhiều bản như Khong, Mị vẫn chưa thể tiếp cận.

- Bão số 10 và mưa lũ sau bão đã gây ra một số thiệt hại ban đầu trên địa bàn tỉnh, theo thống kê sơ bộ tính đến 23 giờ ngày 29/9/2025, thiên tai đã làm 02 người chết, 06 người bị thương; 955 nhà bị thiệt hại, 4.059 nhà bị ngập nước; 3.990 ha lúa, 1.421 ha cây trồng hàng năm bị ngập; 67 điểm/trường, 02 Trạm Y tế bị ảnh hưởng; các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ bị sạt lở gây tắc đường tại 53 vị trí; xảy ra 05 sự cố đê điều; 01 cột điện trung thế, 510 cột điện hạ thế bị gãy, đổ... Hiện tại vẫn còn 1 số địa phương bị ngập trong nước lũ và chưa có điện. Mưa lũ sau bão số 10 đã gây ra những thiệt hại nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến đời sống và sản xuất của người dân Thanh Hóa. Trong những ngày tới, khi thời tiết còn nhiều diễn

⁴⁴ Gồm: Tháng 02 xảy ra 01 vụ; rét hại từ ngày 22-29/01; tháng 4 xảy ra 02 vụ: 2 trận lốc sét ngày 28/3 tại Thường Xuân và 17/4 tại Mường Lát; tháng 5 xảy ra 02 vụ: 02 trận lốc sét ngày 23/4 tại Thọ Xuân và 8/5 tại Mường Lát; tháng 6 xảy ra 02 vụ: lốc sét ngày 19/5 và 01 trận lũ quét vào ngày 24/5; tháng 8 xảy ra 02 vụ: 02 đợt mưa lớn ngày 12-16/8 và mưa lớn do ảnh hưởng của bão số 02 ngày 21-23/7; tháng 9 xảy ra 03 vụ thiên tai (bão số 3, mưa lớn ngày 24-26/8, mưa lớn do ảnh hưởng của bão số 4 và mưa sau bão ngày 17-24/9).

biến khó lường, tỉnh sẽ tiếp tục tập trung mọi nguồn lực ứng phó, giúp bà con sớm ổn định cuộc sống và phục hồi sau thiên tai.

Khái quát lại, năm 2025, trong bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức, song với sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sát sao của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, sự nỗ lực, cố gắng của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân, kinh tế - xã hội của tỉnh đạt kết quả tích cực, toàn diện trên các lĩnh vực, nổi bật là: Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, nông nghiệp phát triển bền vững, sản xuất công nghiệp, dịch vụ tăng cao so với cùng kỳ; các cân đối lớn được đảm bảo, khẳng định khả năng thích ứng linh hoạt, điều hành hiệu quả và mở ra dư địa thuận lợi cho phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn tới. Thu ngân sách nhà nước và phát triển doanh nghiệp tiếp tục là điểm sáng; hoạt động đối ngoại, xúc tiến đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đạt kết quả tích cực; việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý các dự án đầu tư tồn đọng, kéo dài được quan tâm chỉ đạo quyết liệt. Chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục được nâng lên; giáo dục mũi nhọn, thể thao thành tích cao duy trì trong nhóm dẫn đầu cả nước; y tế cơ sở, y tế dự phòng, phát triển y tế chuyên sâu đạt nhiều kết quả nổi bật; an sinh xã hội được đảm bảo, đời sống Nhân dân được cải thiện; hoàn thành mục tiêu cơ bản xóa nhà tạm, nhà dột nát trước thời hạn; đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và đầu tư các trường nội trú liên cấp tại các xã biên giới đất liền./.

THỐNG KÊ TỈNH THANH HÓA